

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HS-ST

Ngày: 14-9-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải;

Ông Trần Văn Tèo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trang Hoàng Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hồ S Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 8 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 05/TB-TA ngày 01 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thành K (tên gọi khác: Đ), sinh năm 1992 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp Thuận T, xã Lợi T, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức D và bà Phạm Thị L; có vợ Phạm Thị Xa R và 01 người con; tiền án: không có, tiền sự: không có; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/4/2021 đến ngày 22/4/2021 chuyển tạm giam đến nay. Có mặt.

2. Lê Văn T, sinh năm 1965 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp Thuận T, xã Lợi T, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D và bà Lê Thị L (đều đã chết); có vợ Nguyễn Thị G và 03 người con; tiền án: Ngày 24/11/1999, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt 39 tháng tù giam về tội

“Buôn lậu hàng hóa qua biên giới” và “Chống người thi hành công vụ”, chấp hành án xong ngày 09/11/2001 (đã được xóa); tiền sự: không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Phạm Thanh S (tên gọi khác: H), sinh năm 1985 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp Thuận T, xã Lợi T, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ (đã chết) và bà Trần Thị T; có vợ Võ Thị Xí M và 01 người con; tiền án: không có, tiền sự: không có. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/4/2021 đến ngày 22/4/2021 chuyển tạm giam. Đến ngày 14/7/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

4. Phạm Thị Thanh T (tên gọi khác: D), sinh năm 1984 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp Thuận T, xã Lợi T, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Trần Thị T; có chồng Trần Văn S và 02 người con; tiền án: không có, tiền sự: Ngày 20/9/2008, bị Công an huyện Bến Cầu xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 350.000 đồng về hành vi “Đánh nhau” theo Quyết định số: 331/QĐ-XPVPHC (đã nộp phạt ngày 10/10/2008) và được xóa. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/4/2021 đến ngày 22/4/2021 chuyển tạm giam. Đến ngày 06/5/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

5. Trần Thị T, sinh năm 1962 tại Campuchia; nơi cư trú: ấp Thuận T, xã Lợi T, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị N (đều đã chết); chồng thứ nhất tên Phạm Văn Đ (đã chết); chồng thứ hai tên Cao Phi H (đã ly hôn); con có 05 người; tiền án: không có, tiền sự: không có. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/4/2021 đến ngày 22/4/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

6. Lê Thị Bích H, sinh năm 2000 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp Thuận T, xã Lợi T, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị Bích T; chồng, con: chưa có; tiền án: không có, tiền sự: không có. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/4/2021 đến ngày 22/4/2021 chuyển tạm giam. Đến ngày 14/7/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

7. Dur Thúy H, sinh năm 1975 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp Thuận T, xã Lợi T, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dur K S và bà Lâm Nguyệt H (đều đã chết); chồng Dương Văn D và 04 người con; tiền án: không có, tiền sự: không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 16/4/2021, tại nhà của Lê Văn T thuộc ấp Thuận Tây, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, Công an xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh bắt quả tang Nguyễn Thành K đang làm cái đánh bạc thắng thua bằng tiền, hình thức đánh bài bửu, thỏa thuận mỗi ván bài mỗi người đặt cược số tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. Những người tham gia đánh bạc gồm: Phạm Thanh S, Phạm Thị Thanh T, Trần Thị T, Lê Thị Bích H, Dur Thúy H và một người bán vé số (không rõ lai lịch). Công an xã lập biên biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng có liên quan, trong đó có tiền trên chiếu bạc là 8.500.000 đồng, thu được trong người của Nguyễn Thành K số tiền 19.380.000 đồng, Phạm Thanh S số tiền 1.370.000 đồng và Trần Thị T số tiền 50.000 đồng.

Trước đó, Nguyễn Thành K và Lê Văn T thỏa thuận sử dụng nhà của T để K làm cái đánh bài bửu thắng thua bằng tiền với người khác, mỗi ngày K trả tiền xâu cho T từ 50.000 đồng đến 150.000 đồng, T đồng ý. Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 16/4/2021, K đến nhà T để đánh bạc như đã thỏa thuận. T ra trước nhà đưa số tiền 40.000 đồng cho một người chạy xe Honda ôm tên M (không rõ lai lịch) mua 03 bộ bài tây loại 52 lá, sau đó T đưa bài cho K để làm cái bài bửu thắng thua bằng tiền.

Các bị cáo khai nhận số tiền mang theo để đánh bạc gồm: Nguyễn Thành K mang theo 23.580.000 đồng, lấy 4.200.000 đồng làm cái, thua 600.000 đồng, còn lại 3.600.000 đồng, Công an đến bắt quả tang bỏ tiền tại chiếu bạc, trên người còn lại 19.380.000 đồng; Phạm Thanh S mang theo 1.700.000 đồng, thua 330.000 đồng, nên bị tạm giữ 1.370.000 đồng; Phạm Thị Thanh T mang theo 950.000 đồng, thắng 50.000 đồng, Công an đến bắt quả tang bỏ tiền tại chiếu bạc; Trần Thị T mang theo 200.000 đồng, thua 100.000 đồng, mua vé số 50.000 đồng nên bị tạm giữ 50.000 đồng; Lê Thị Bích H mang theo 200.000 đồng, thua

hết; Dư Thúy H mang theo 200.000 đồng, thua hết. Số tiền mà các bị cáo khai nhận đã mang theo để đánh bạc là 26.630.000 đồng ít hơn số tiền thu giữ.

Vật chứng thu giữ: 03 (ba) bộ bài tây; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen xám, số imei: 35773010009936 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo, màu xanh đen, số imei: 8643105956819 của Nguyễn Thành K; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A5 2020, màu trắng đen, số imei: 863901046090895 của Phạm Thanh S; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus, màu vàng, số imei: 354437069130124 của Lê Thị Bích H; Tiền Việt Nam: 29.300.000 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Thành K, Lê Văn T, Phạm Thanh S, Phạm Thị Thanh T, Trần Thị T, Lê Thị Bích H, Dư Thúy H không có tài sản nên Cơ quan điều tra không kê biên tài sản.

Tại bản Cáo trạng số: 53/CT-VKSBC ngày 14 tháng 7 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu đã truy tố Nguyễn Thành K, Lê Văn T, Phạm Thanh S, Phạm Thị Thanh T, Trần Thị T, Lê Thị Bích H, Dư Thúy H về tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Nguyễn Thành K, Lê Văn T, Phạm Thanh S, Phạm Thị Thanh T, Trần Thị T, Lê Thị Bích H, Dư Thúy H đã khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành K bằng thời gian tạm giữ, tạm giam đến 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 (mười triệu) đồng đến 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, sung ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Miễn khấu trừ thu nhập, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thanh T từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Miễn khấu trừ thu nhập, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thanh S từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Miễn khấu trừ thu nhập, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị T từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Miễn khấu trừ thu nhập, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thị Bích H từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Miễn khấu trừ thu nhập, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Dư Thúy H từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Miễn khấu trừ thu nhập, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng đã thu giữ trong vụ án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Thành K, Lê Văn T, Phạm Thanh S, Phạm Thị Thanh T, Trần Thị T, Lê Thị Bích H, Dư Thúy H thống nhất với luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận, bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo Nguyễn Thành K, Lê Văn T, Phạm Thanh S, Phạm Thị Thanh T, Trần Thị T, Lê Thị Bích H, Dư Thúy H nhận thức được hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Cầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đánh giá về hành vi và định tội danh: Vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 16/4/2021, tại nhà Lê Văn T thuộc ấp Thuận Tây, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, Công an xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh bắt quả tang Nguyễn Thành K đang làm cái đánh bạc bằng hình thức bài bửu được thua bằng tiền với Phạm Thanh S, Phạm Thị Thanh T, Trần Thị T, Lê Thị Bích H, Dư Thúy H, thu giữ số tiền dùng để đánh bạc là 29.300.000 đồng. Do đó, đủ căn cứ kết luận các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” theo qui định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất vụ án: Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, nhưng các bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và biết đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình người tham gia đánh bạc. Hành vi đánh bạc là một tệ nạn xã hội nên cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để giáo dục răn đe các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo thì thấy rằng: Các bị cáo phạm tội là đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, không có bàn bạc phân công vai trò, không có sự câu kết chặt chẽ với nhau nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình đã thực hiện. Trong đó, bị cáo K trực tiếp (làm cái) đánh bạc với các bị cáo khác, số tiền bị cáo K dùng vào việc đánh bạc cao nhất nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất. Bị cáo T giúp sức tích cực cho bị cáo K, cho mượn địa điểm, mua bài cho bị cáo K đánh bạc; bị cáo S mang theo số tiền đánh bạc chỉ đứng sau bị cáo K nên hai bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo K. Các bị cáo T, T, H, H cùng tham gia đánh bạc với số tiền thấp nên chịu trách nhiệm hình sự thấp nhất trong vụ án.

[5] Khi quyết định hình phạt, có xem xét T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

T tiết tăng nặng: Các bị cáo K, T, T, S, T, H, H không phải chịu T tiết tăng nặng nào được quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

T tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo K, T, T, S, T, H, H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng T tiết giảm nhẹ qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo K, T, S, T, H, H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng T tiết giảm nhẹ qui định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Áp dụng hình phạt:

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Thành K là có căn cứ nên chấp nhận. Bởi lẽ, bị cáo là người làm cái, đem theo số tiền đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác nên cần áp dụng hình phạt tù để cải tạo giáo dục đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy, bị cáo K có 02 T tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên đủ điều kiện áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, do đó, xử phạt bị cáo bằng thời gian tạm giữ, tạm giam cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

- Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo T, S, T, T, H, H là có căn cứ nên chấp nhận. Bởi lẽ, các bị cáo phạm tội trong vụ án là đồng phạm có vai trò không đáng kể, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo T hiện đang bị bệnh tai biến, đi lại khó khăn. Do vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần phạt cải tạo không giam giữ và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo để trở thành người tốt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải.

[7] Hình phạt bổ sung: Xét thấy cần phạt bổ sung các bị cáo S, T, T, H, H một khoản tiền sung vào ngân sách nhà nước. Đối với bị cáo T hiện đang bị bệnh, không khả năng lao động, không có tài sản nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[8] Nguyễn Thành K khai nhận còn làm cái đánh bạc thắng thua bằng tiền, hình thức đánh bài bửu 02 lần tại nhà T, vào các ngày 08/4/2021 và 12/4/2021, mỗi lần đánh bạc K xâu cho T 150.000 đồng, nhưng không xác định được số người tham gia, số tiền dùng để đánh bạc nên không đủ căn cứ để xử lý.

[9] Đối với người chạy xe Honda ôm tên Minh mua bài cho T và người bán vé số tham gia đánh bạc, do không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Cầu chưa làm việc được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[10] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy:

- Tiền Việt Nam 29.300.000 đồng (hai mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng) các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- 03 (ba) bộ bài tây (đã qua sử dụng) là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với tài sản thu giữ của các bị cáo không liên quan đến việc thực hiện tội phạm, nên trả lại cho các bị cáo, nhưng giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án, gồm:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen xám, số imei: 35773010009936 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo, màu xanh đen, số imei: 8643105956819, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Thành K.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A5 2020, màu trắng đen, số imei: 863301046090895, đã qua sử dụng của bị cáo Phạm Thanh S

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus, màu vàng, số imei: 354437069130124, đã qua sử dụng của bị cáo Lê Thị Bích H.

[11] Buộc nộp tiền thu lợi bất chính: Bị cáo T đã nhận tiền xâu của bị cáo K cho vào các ngày 08/4/2021, ngày 12/4/2021, tổng cộng 300.000 đồng nên buộc bị cáo T nộp lại số tiền thu lợi bất chính này sung vào ngân sách nhà nước.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành K (Đ) 04 (bốn) tháng 29 (hai mươi chín) ngày tù về tội “Đánh bạc”. Bị cáo Nguyễn Thành K (Đ) bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16 tháng 4 năm 2021 đến ngày 14 tháng 9 năm 2021 là 04 (bốn) tháng 29 (hai mươi chín) ngày. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thành K (Đ) đã chấp hành xong hình phạt tù. Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Thành K (Đ) ngay tại phiên tòa nếu bị cáo Nguyễn Thành K (Đ) không bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án khác.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thành K (Đ) số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Lợi Thuận trong việc giám sát giáo dục.

Trong trường hợp người chấp hành hình phạt chuyển đi nơi khác, thì Ủy ban nhân dân xã Lợi Thuận có trách nhiệm thông báo ngay cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án kèm theo hồ sơ của người đó để Tòa án làm thủ tục cần thiết giao cho cơ quan tổ chức người bị kết án nơi chuyển đến tiếp tục giám sát, giáo dục.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ qui định tại Luật thi hành án hình sự. Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

3. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36; Điều 54; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thanh S (Hùng) 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Thanh S (H) cho Ủy ban nhân dân xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Lợi Thuận trong việc giám sát giáo dục.

Trong trường hợp người chấp hành hình phạt chuyển đi nơi khác, thì Ủy ban nhân dân xã Lợi Thuận có trách nhiệm thông báo ngay cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án kèm theo hồ sơ của người đó để Tòa án làm thủ tục cần thiết giao cho cơ quan tổ chức người bị kết án nơi chuyển đến tiếp tục giám sát, giáo dục.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ qui định tại Luật thi hành án hình sự. Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Thanh S (H) số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

4. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36; Điều 54; Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thanh T (D) 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Bị cáo bị tạm giữ 21 ngày (01 ngày tạm giữ = 03 ngày cải tạo không giam giữ) thành 02 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ bị cáo Phạm Thị Thanh T (D) còn phải chấp hành 09 (chín) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Thị Thanh T (D) cho Ủy ban nhân dân xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Lợi Thuận trong việc giám sát giáo dục.

Trong trường hợp người chấp hành hình phạt chuyển đi nơi khác, thì Ủy ban nhân dân xã Lợi Thuận có trách nhiệm thông báo ngay cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án kèm theo hồ sơ của người đó để Tòa án làm thủ tục cần thiết giao cho cơ quan tổ chức người bị kết án nơi chuyển đến tiếp tục giám sát, giáo dục.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ qui định tại Luật thi hành án hình sự. Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Thị Thanh T (D) số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

5. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 36; Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị T 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Bị cáo bị tạm giữ 07 ngày (01 ngày tạm giữ = 03 ngày cải tạo không giam giữ) thành 21 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ bị cáo Trần Thị T còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Lợi Thuận trong việc giám sát giáo dục.

Trong trường hợp người chấp hành hình phạt chuyển đi nơi khác, thì Ủy ban nhân dân xã Lợi Thuận có trách nhiệm thông báo ngay cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án kèm theo hồ sơ của người đó để Tòa án làm thủ tục cần thiết giao cho cơ quan tổ chức người bị kết án nơi chuyển đến tiếp tục giám sát, giáo dục.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ qui định tại Luật thi hành án hình sự. Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Thị T số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

6. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị Bích H 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Bị cáo bị tạm giữ 90 ngày (01 ngày tạm giữ = 03 ngày cải tạo không giam giữ) thành 09 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ bị cáo Lê Thị Bích H còn phải chấp hành 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Thị Bích H cho Ủy ban nhân dân xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Lợi Thuận trong việc giám sát giáo dục.

Trong trường hợp người chấp hành hình phạt chuyển đi nơi khác, thì Ủy ban nhân dân xã Lợi Thuận có trách nhiệm thông báo ngay cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án kèm theo hồ sơ của người đó để Tòa án làm thủ tục cần thiết giao cho cơ quan tổ chức người bị kết án nơi chuyển đến tiếp tục giám sát, giáo dục.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ qui định tại Luật thi hành án hình sự. Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Thị Bích H số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

7. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 36; Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dư Thuý H 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Dư Thuý H cho Ủy ban nhân dân xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Lợi Thuận trong việc giám sát giáo dục.

Trong trường hợp người chấp hành hình phạt chuyển đi nơi khác, thì Ủy ban nhân dân xã Lợi Thuận có trách nhiệm thông báo ngay cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án kèm theo hồ sơ của người đó để Tòa án làm thủ tục cần thiết giao cho cơ quan tổ chức người bị kết án nơi chuyển đến tiếp tục giám sát, giáo dục.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ qui định tại Luật thi hành án hình sự. Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

Phạt bổ sung bị cáo Dư Thuý H số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

8. Vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu số tiền Việt Nam 29.300.000 đồng (hai mươi chín triệu, ba trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy: 03(ba) bộ bài tây (đã qua sử dụng).

- Trả cho bị cáo Nguyễn Thành K (Đ) 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen xám, số imei: 35773010009936 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo, màu xanh đen, số imei: 8643105956819, đã qua sử dụng.

- Trả cho bị cáo Phạm Thanh S (H) 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A5 2020, màu trắng đen, số imei: 863301046090895, đã qua sử dụng.

- Trả cho bị cáo Lê Thị Bích H 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus, màu vàng, số imei: 354437069130124, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận, vật chứng ngày 27 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh).

9. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Lê Văn T nộp lại số tiền thu lợi bất chính 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

10. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTWQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Thành Kháng (Đ), Lê Văn T, Phạm Thanh S (H), Phạm Thị Thanh T (D), Trần Thị T, Lê Thị Bích H, Dư Thuý H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

11. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Thành Kháng (Đ), Lê Văn T, Phạm Thanh S (H), Phạm Thị Thanh T (D), Trần Thị T, Lê Thị Bích H, Dư

Thuý H được quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (vụ 1)
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- Phòng KTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Công an huyện Bến Cầu;
- Nhà tạm giữ;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- Phòng lý lịch Sở tư pháp tỉnh;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trang Thái Châu